

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGÔ THỊ DUYÊN

2. Ngày tháng năm sinh: 01-02-1983; Nam ☐ Nữ ☒

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: (không)

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tập thể ĐHNN, Tổ 3, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): P.307 – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại di động: 0986898948;

E-mail: duyennt@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 08/2005 đến 07/2007: Trợ giảng, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Từ 08/2007 đến 06/2008: Giảng viên, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Từ 07/2008 đến 06/2009: Thực tập sinh, Viện Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (Japan Advanced Institute of Science and Technology - JAIST)

- Từ 07/2009 đến nay: Giảng viên, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin ; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.37547.461

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm:

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 23 tháng 6 năm 2005; số hiệu bằng: QC 034868; ngành: Công nghệ thông tin; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 23 tháng 05 năm 2016; số hiệu bằng: QT 001446; ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày... tháng ...năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Thị giác máy tính
- Tương tác người – máy

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn độc lập/chính 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên (là chủ nhiệm đề tài): số lượng 02 đề tài cấp Cơ sở và 02 đề tài cấp ĐHQGHN (cấp Bộ);
- Đã công bố 25 bài báo khoa học, trong đó 09 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 04 bằng độc quyền sáng chế;
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm
1	Chứng nhận hướng dẫn sinh viên đạt giải Nhì Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường ĐHCN năm 2025	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	2025
2	Chứng nhận hướng dẫn sinh viên đạt giải Ba Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học toàn quốc năm 2024	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2024
3	Chứng nhận hướng dẫn sinh viên đạt giải Nhất, giải Nhì Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường ĐHCN năm 2024	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	2024
4	Giấy khen Trường ĐHCN cho cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua giai đoạn 2020-2025	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	2025
5	Bằng khen ĐHQGHN cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2024	Đại học Quốc gia Hà Nội	2025
6	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2024	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	2025
7	Giấy khen Trường ĐHCN cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm 2024	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	2025
8	Bằng khen Bộ GD&ĐT cho cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2024
9	Giấy khen Công đoàn ĐHQGHN cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn	Công đoàn Đại học Quốc gia Hà Nội	2024
10	Bằng khen ĐHQGHN cho cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác năm học 2022-2023	Đại học Quốc gia Hà Nội	2023

11	Bằng khen ĐHQGHN cho cá nhân đạt Giải thưởng Nhà giáo Đại học Quốc gia Hà Nội của năm 2023	Đại học Quốc gia Hà Nội	2023
12	Chiến sĩ thi đua cấp Đại học Quốc gia Hà Nội năm học 2022-2023	Đại học Quốc gia Hà Nội	2023
13	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2022-2023	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	2023
14	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	2022
15	Giấy khen Công đoàn ĐHQGHN cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn	Công đoàn Đại học Quốc gia Hà Nội	2022
16	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2020-2021	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): *(không)*

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong gần 17 năm công tác tại Khoa Công nghệ thông tin, Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN, ứng viên luôn cố gắng để đáp ứng tiêu chuẩn và hoàn thành tốt các nhiệm vụ của một giảng viên. Cụ thể:

- Luôn hoàn thành khối lượng giảng dạy vượt định mức và tích cực tham gia công tác hướng dẫn sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh thực hiện khóa luận/luận văn/luận án.
- Tích cực tham gia các công tác xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, đề cương học phần và đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng giảng dạy.
- Không ngừng tìm hiểu và trau dồi kiến thức chuyên môn để có những hiểu biết chuyên sâu và cập nhật về các học phần được phân công giảng dạy.
- Tích cực tham gia các hoạt động cổ vũ học tập và hỗ trợ người học.
- Là chủ nhiệm của 04 đề tài KHCN và thường xuyên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học.
- Tham gia khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 11 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020				4	285		285/582,80/270
2	2020-2021			1	6	325		325/748,51/270
3	2021-2022			2	8	285	45	330/715,70/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023		2		12	335	45	380/823,97/270
5	2023-2024		1	2	11	305	45	350/891,50/270
6	2024-2025		1	3	15	429	45	474/815,00/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN.

d) Đối tượng khác ☒ ; Diễn giải:

- Từ 07/2008 đến 06/2009: Thực tập sinh, Viện Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (Japan Advanced Institute of Science and Technology - JAIST). Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Anh.

- Từ 06/2019 đến 07/2019, tháng 09/2019: Nghiên cứu viên trao đổi, hợp tác trong khuôn khổ đề tài EU H2020 – AniAge tại Đại học Artois, Arras, Pháp. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Đạt chứng chỉ B2 chuẩn khung Châu Âu, năm 2014

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Xuân Tùng		x		x	12/2018 đến 11/2020	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	30/11/2020
2	Phan Hưng Hà		x		x	05/2021 đến 01/2022	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	28/01/2022
3	Tạ Đăng Khoa		x	x		11/2022 đến 01/2024	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	15/01/2024
4	Lê Khánh Linh		x	x		11/2022 đến 01/2024	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	15/01/2024
5	Nguyễn Trung Sơn		x		x	05/2024 đến 12/2024	Trường ĐH Công nghệ, ĐHQGHN	27/12/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Truyền thông đa phương tiện	Giáo trình	Nhà xuất bản ĐHQGHN, 2025	3		130-182; 233-248; 252-257	

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Đồng bộ hóa âm thanh với chuyển động của môi trên khuôn mặt 3D	CN	QC.08.19, ĐHQGHN (Cấp Bộ)	10/06/2008 đến 31/12/2010	Ngày 11/03/2011; Xếp loại: Khá
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
2	Theo dấu chuyển động bàn tay sử dụng kết hợp phương pháp Generative và Discriminative	CN	CN.18.08, Cấp Cơ sở	10/07/2018 đến 30/10/2020	Ngày: 17/11/2020; Xếp loại: Khá
3	Giải pháp thể hiện ngôn ngữ cử chỉ hỗ trợ người khiếm thính	CN	CN.24.11, Cấp Cơ sở	19/06/2024 đến 15/04/2025	Ngày: 26/04/2025; Xếp loại: Xuất sắc
4	Nghiên cứu phát triển công nghệ theo dõi chuyển động mắt hỗ trợ can thiệp trẻ rối loạn phổ tự kỷ	CN	QG.23.39, ĐHQGHN (Cấp Bộ)	27/04/2023 đến 26/04/2025	Ngày: 23/05/2025; Xếp loại: Đạt
5	Hệ thống hỗ trợ giao tiếp sử dụng kết hợp tín hiệu điện não và tín hiệu mắt cho người bị tổn thương chức năng vận động	TK	QG.20.78, ĐHQGHN (Cấp Bộ)	22/12/2020 đến 30/08/2023	Ngày: 26/12/2023; Xếp loại: Xuất sắc
6	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong khôi phục mô hình 3D các di sản văn hóa của Việt Nam và Hàn Quốc	TK	NĐT/KR/21/17, Cấp Quốc gia	02/07/2021 đến 01/07/2024	Ngày: 05/09/2024; Xếp loại: Đạt
7	Hệ thống giao tiếp tiếng Việt dựa trên AI sử dụng tín hiệu mắt và tín hiệu điện não cho người tổn thương chức năng vận động	TK	VINIF.2020.DA 10, Quỹ VINIF tài trợ	01/11/2020 đến 30/10/2023	Ngày: 28/10/2024; Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1	A Vietnamese 3D Taking Face for Embodied Conversational Agents https://doi.org/10.1109/RIVF.2015.7049881	2	Có	Proceedings of the 2015 IEEE RIVF International Conference on Computing & Communication Technologies - Research, Innovation, and Vision for Future (RIVF 2015), Electronic ISBN: 978-1-4799-8044-4		4	pp. 94-99	01/2015
2	Improving Simulation of Continuous Emotional Facial Expressions by Analyzing Videos of Human Facial Activities https://doi.org/10.1007/978-3-319-13191-7_18	4	Có	Proceedings of the 17th International Conference on Principles and Practice of Multi-Agent Systems (PRIMA 2014); Book series: Lecture Notes in Computer Science Vol. 8861, Online ISBN: 978-3-319-13191-7	Kỷ yếu hội nghị quốc tế, Indexed: CPCI (Web of Science), Scopus. Xuất bản trong LNCS (Springer – Scimago Q2 book series)	2	Vol. 8861, pp. 222-237	12/2014
3	Toward a Rule-Based Synthesis of Vietnamese Emotional Speech https://doi.org/10.1007/978-3-319-11680-8_11	3	Có	Proceedings of the Sixth International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2014); Book series: Advances in Intelligent Systems		2	Vol. 326, pp. 129-142	10/2014

				and Computing Vol. 326, Online ISBN: 978-3-319-11680-8				
4	An approach for building a Vietnamese talking face	5	Có	Tạp chí Thông tin & Truyền thông (Chuyên san “Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông”), ISSN: 1859- 3526		0	Tập V-1, Số 6 (26), pp. 207-216	09/2011
5	When and how to smile: Emotional expression for 3D conversational agents https://doi.org/10.1007/978-3-642-01639-4_31	2	Có	Proceedings of the 10th Pacific Rim International Conference on Multi-Agent Systems (PRIMA 2007). Book series: Lecture Notes in Computer Science Vol. 5044, Online ISBN: 978-3-319-13191-7	Kỷ yếu hội nghị quốc tế, Indexed: CPCI (Web of Science), Scopus. Xuất bản trong LNCS (Springer – Scimago Q2 book series)	0	Vol. 5044, pp. 349-358	11/2007
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
6	Techniques utilising physiological data for supporting children with dyscalculia: A comprehensive review https://doi.org/10.1177/10554181251340659	5	Có	Technology and Disability, ISSN: 1055-4181, Online ISSN: 1878-643X	Tạp chí quốc tế uy tín, Scopus Q3	0	Published online: 06/05/2025, pp. 1-11 Vol.37, No.4 (Theo email xác nhận từ nhà xuất bản của tạp chí)	05/2025
7	The use of eye-tracking technology in supporting children and adolescents with attention deficit/hyperactivity	4	Có	Disability and Rehabilitation: Assistive Technology, ISSN: 1748-3107,	Tạp chí quốc tế uy tín, Scopus Q1	0	Vol. 20, No. 5, pp. 1296–1323	04/2025

	disorder: a comprehensive review https://doi.org/10.1080/17483107.2025.2497305			Online ISSN: 1748-3115				
8	Attention detection: an EEG and eye tracking features fusion approach in eye-based interaction systems https://doi.org/10.1080/17483107.2025.2497305	4	Có	Neural Computing and Applications, Print ISSN: 0941-0643, Electronic ISSN: 1433-3058	Tạp chí quốc tế uy tín, Scopus Q1	0	Vol. 37, No. 18, pp. 12903 - 12919	04/2025
9	Sign Language Representation using Virtual Characters with 3D Animation https://doi.org/10.25073/2588-1086/vnucsce.3768	3	Có	VNU Journal of Science: Computer Science & Communication Engineering Print ISSN: 2615-9260 Online ISSN: 2588-1086		0	Vol. 41, No. 1, pp. 54-68	03/2025
10	Adjust data inputting speed in human-computer interfaces system controlled by eye gaze and electroencephalography data https://doi.org/10.1177/10554181241311684	3	Có	Technology and Disability, ISSN: 1055-4181, Online ISSN: 1878-643X	Tạp chí quốc tế uy tín, Scopus Q3	0	Vol. 37, No. 1, pp. 104-117	01/2025
11	The use of eye tracking in supporting individuals with dyslexia: A review https://doi.org/10.1080/17483107.2024.2437697	5	Có	Disability and Rehabilitation: Assistive Technology, ISSN: 1748-3107, Online ISSN: 1748-3115	Tạp chí quốc tế uy tín, Scopus Q1	4	Vol. 20, No. 5, pp. 1183–1198	12/2024

12	Developing an Objective Visual Quality Evaluation Pipeline for 3D Woodblock Characters https://doi.org/10.25073/2588-1086/vnucsce.2248	5	Không	VNU Journal of Science: Computer Science & Communication Engineering, Print ISSN: 2615-9260, Online ISSN: 2588-1086		0	Vol. 40, No. 2, pp. 1-11	09/2024
13	An assistive IOT smart control system for the severe motor disabilities https://doi.org/10.3233/TAD-240001	4	Không	Technology and Disability, ISSN: 1055-4181, Online ISSN: 1878-643X	Tạp chí quốc tế uy tín, Scopus Q3	1	Vol. 36, No. 3, pp. 85-98	07/2024
14	An EEG & eye-tracking dataset of ALS patients & healthy people during eye-tracking-based spelling system usage https://doi.org/10.1038/s41597-024-03501-y	7	Có	Nature Scientific Data, Online ISSN 2052-4463	Tạp chí quốc tế uy tín, SCIE, IF = 6,9, Scopus Q1	6	Vol. 11, Article no. 664, pp. 1-11	06/2024
15	Surface Reconstruction from Point Cloud for Vietnamese Historical Printing Woodblocks: DeepFit model in Estimating Normal Vectors https://doi.org/10.1145/3654522.3654545	4	Có	Proceedings of the 2024 9th International Conference on Intelligent Information Technology (ICIIT 2024), ISBN: 979-8-4007-1671-3		0	pp. 149-154	02/2024
16	Post-processing workflow for 3D Vietnamese Historical Printing Woodblocks Restoration from 2D prints	4	Có	Proceedings of the 2024 9th International Conference on Intelligent Information Technology (ICIIT 2024),		0	pp. 203-208	02/2024

	https://doi.org/10.1145/3654522.3654574			ISBN: 979-8-4007-1671-3				
17	An eye tracking - based system for capturing visual strategies in reading of children with dyslexia https://doi.org/10.1145/3628797.3628879	5	Có	Proceedings of the 12th International Symposium on Information and Communication Technology (SOICT '23), ISBN: 979-8-4007-0891-6		1	pp. 856-862	12/2023
18	Detection and Recognition of Sino-Nom Characters on Woodblock-Printed Images https://doi.org/10.1109/KSE59128.2023.10299440	4	Có	Proceedings of the 15th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2023), ISBN: 979-8-3503-2974-2		1	pp. 13-18	10/2023
19	3D Depth Map Inpainting for Vietnamese Historical Printing Woodblocks: A Gated Convolution Approach https://doi.org/10.1109/KSE59128.2023.10299476	6	Không	Proceedings of the 15th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2023), ISBN: 979-8-3503-2974-2		0	pp. 1-6	10/2023
20	Quality Assessment Criteria and Methods for 3D Digital Replica of Historical Printing Woodblocks https://doi.org/10.1145/3532854	6	Có	ACM Journal on Computing and Cultural Heritage, ISSN: 1556-4673, Online ISSN: 1556-4711	Tạp chí quốc tế uy tín, SCIE, IF = 2,1, Scopus Q1	0	Vol. 16, No. 3, pp. 1-16	08/2023
21	Robustify Hand Tracking by Fusing Generative and Discriminative Methods https://doi.org/10.25073/2588-1086/vnucsce.261	4	Có	VNU Journal of Science: Computer Science & Communication Engineering, Print ISSN: 2615-9260		1	Vol. 37, No. 1, pp. 16-25	02/2021

				Online ISSN: 2588-1086				
22	Xây dựng học liệu điện tử hỗ trợ giảng dạy kịch hát dân tộc dựa trên công nghệ 3D và thực tại ảo https://vjol.info.vn/index.php/DHSP-GD/article/view/47119	5	Không	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Khoa học Giáo dục, ISSN 2354-1075		0	Vol. 64, No. 4, pp. 40-50	04/2020
23	An Ontology Web Application-based Annotation Tool for Intangible Culture Heritage Dance Videos https://doi.org/10.1145/3347317.3357245	7	Không	Proceedings of the 1st Workshop on Structuring and Understanding of Multimedia heritAge Contents (SUMAC '19), ISBN: 978-1-4503-6910-7		14	pp. 75 - 81	10/2019
24	A Spatial-temporal 3D Human Pose Reconstruction Framework https://doi.org/10.3745/JIPS.02.0110	3	Không	Journal of Information Processing Systems, Online ISSN: 2092-805X	Tạp chí quốc tế uy tín, Scopus Q3	7	Vol. 15, No. 2, pp. 399-409	04/2019
25	Single View Image Based - 3D Human Pose Reconstruction https://doi.org/10.1109/KSE.2017.8119445	5	Không	Proceedings of the 9th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2017) Electronic ISBN: 978-1-5386-3576-6		0	pp. 118-123	10/2017

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 07 ([6] [7] [8] [10] [11] [14] [20])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
(không có)							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
SC1	Phương pháp đồng bộ dữ liệu điện não, dữ liệu theo dõi chuyển động mắt và dữ liệu video (42132) https://www.ipvietnam.gov.vn/documents/20182/1800737/42132.pdf	Cục SHTT, Bộ KHCN	25/12/2024	Đồng tác giả	8
SC2	Interaction method using eye tracking data (US 12,093,516 B2) https://patents.google.com/patent/US12093516B2 https://patentcenter.uspto.gov/applications/18241188	Văn phòng sáng chế và nhãn hiệu Hoa Kỳ (United States Patent and Trademark Office – USPTO)	17/09/2024	Đồng tác giả	3
SC3	Phương pháp và hệ thống nhập liệu dựa trên bàn phím ảo và chuyển thành âm thanh (36073) https://www.ipvietnam.gov.vn/documents/20182/1800737/42132.pdf	Cục SHTT, Bộ KHCN	26/06/2023	Đồng tác giả	6
SC4	Method for processing data to adjust data inputting speed in Human-Computer Interface system controlled by eye gaze and electroencephalography data (US 12,118,190 B2) https://patents.google.com/patent/US12118190B2 https://patentcenter.uspto.gov/applications/18210342 <i>(Sáng chế SC4 này không được liệt kê trong danh sách công trình tính điểm do có phần trùng lặp với bài báo [10])</i>	Văn phòng sáng chế và nhãn hiệu Hoa Kỳ (United States Patent and Trademark Office – USPTO)	15/10/2024	Đồng tác giả	7

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
(không có)					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
(không có)						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: (không)

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Ngô Thị Duyên